TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **95/2020/**QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 24 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Đăng K**, sinh năm 1977;
2. Chị **Đinh Thị Mộng T,** sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đăng K và chị Đinh Thị Mộng T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/01/2001 trên tinh thần tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, từ năm 2010 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, có những bất đồng trong cuộc sống không thể dung hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh K và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Nguyễn Khoa T, sinh ngày 22/11/2000 đã trưởng thành nên không xét đến.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: anh chị cùng khai không có nên Tòa án không xét đến.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh K tự nguyện nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng K và chị Đinh Thị Mộng T.

- Về con chung: Nguyễn Khoa T, sinh ngày 22/11/2000 đã trưởng thành nên không xét đến.

- Về tài sản chung; nợ chung: anh chị cùng khai không có nên Tòa án không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh K tự nguyện nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009832 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TA tỉnh Bến Tre (Phòng kiểm tra);
- UBND xã T;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trương Thị Tiến